**Tuần: 14**

 Môn: TV (HV)

Tên bài: **ôn, ôt**

Tiết: 157, 158

 Ngày dạy: Ngày 4 tháng 12 năm 2023

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

 - Nhận biết các vần ôn, ôt; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần ôn, ôt.

 - Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần ôn, vần ôt.

 - Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Nụ hôn của mẹ.*

 - Viết đúng các vần ôn, ôt, các tiếng thôn (xóm), cột (cờ) (trên bảng con).

- Khơi gợi tình yêu thiên nhiên, yêu động vật.

 - Kiên nhẫn, biết quan sát và viết đúng nét.

**\* QP- AN:** Giới thiệu và nêu ý nghĩa của cột cờ Hà Nội, Cột cờ Lũng Cú (bằng hình ảnh hoặc phim….)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

 \*GV: SGK, SGV, bộ chữ, tranh ảnh, vật thực ,bảng cài, bộ thẻ chữ,

 \* HS: SGK, bảng con, phấn, bút, vở Bài tập Tiếng Việt 1- tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Hoạt động mở đầu: 3’** - HS hát.  - Giới thiệu bài: vần ôn, ôt; ghi đề bài lên bảng**2. Hoạt động hình thành kiến thức mới: 15’** a. Dạy vần ôn: - HS đọc: ô, n, vần ôn.  - Phân tích vần ôn. - Đánh vần và đọc: ô - nờ - ôn / ôn. - HS nói: *thôn xóm / thôn.* / Phân tích tiếng thôn. / - Đánh vần, đọc: thờ - ôn - thôn / thôn.- Đánh vần, đọc trơn: ô - nờ - ôn / thờ - ôn - thôn / thôn xóm. b.Dạy vần ôt: (như vần ôn)Đánh vần, đọc trơn: ô - tờ - ôt / cờ - ôt - côt - nặng - cột / cột cờ. - HS so sánh sự giống nhau và khác nhau của hai vần.\* Củng cố: Các em vừa học 2 vần gì mới?( ôn, ôt) 2 tiếng gì mới? (thôn, cột)**3. Hoạt động luyện tập thực hành: 17’** \*Mở rộng vốn từ: (BT 2: Tiếng nào có vần ôn? Tiếng nào có vần ôt?) (Lướt nhanh) - GV chỉ từng từ học sinh đọc  - Giải nghĩa từ: *đôn* (đồ dùng thường để bày chậu cảnh hoặc để ngồi, làm bằng sành, sứ hay gỗ quý); *lá lốt* (loại lá dùng làm gia vị, quấn thịt rán); *chồn* (thú ăn thịt, sống ở rừng, tai nhỏ, mình dài, chân ngắn, có mùi hôi); *thốt nốt* (cây cùng họ với dừa, chất nước ngọt từ cây có thể làm đường thốt nốt),... - HS làm bài, nói kết quả tìm tiếng có vần ôn, vần ôt. - GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng rốt có vần ôt. Tiếng đôn có vần ôn,...\*Tập viết (bảng con - BT 4)1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu

 - Vần ôn: viết ô trước, n sau. Chú ý nối nét từ ô sang n. - Vần ôt: viết ô trước, t sau. Chú ý nối nét từ ô sang t.thôn: viết th trước, ôn sau. - cột: viết c trước, ôt sau, dấu nặng đặt dưới ô.1. HS viết: ôn, ôt (2 lần). Sau đó viết: thôn (xóm), cột (cờ).

\* QP- AN: GV cho HS xem hình ảnh cột cờ Hà Nội, Cột cờ Lũng Cú*Tiết 2*\* Tập đọc: (BT3) 30’ a.GV giới thiệu bài *Nụ hôn của mẹ,* hình ảnh bé Chi bị sốt nằm trên giường, mẹ sờ tay lên trán bé, ân cần, lo lắng. b.GV đọc mẫu. Giải nghĩa: *thiêm thiếp* (quá yếu mệt, nằm như không biết gì).1. Luyện đọc từ ngữ: nụ hôn, bị sốt, nằm thiêm thiếp, mở mắt, thì thầm.
2. Luyện đọc câu

 - GV: Bài có 10 câu. - GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp). - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).1. Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn: 6 câu / 4 câu).

g.Tìm hiểu bài đọc - GV gắn 5 thẻ chữ lên bảng; nêu YC; chỉ từng cụm từ, cả lớp đọc. - HS làm bài, nối các cụm từ trong VBT. / 1 HS báo cáo kết quả. - Cả lớp đọc: ạ) *Nụ hôn của mẹ* - 1) *thật ấm áp.* / c) *Bé Chi -* 2) *đã hạ sốt.*\* Cả lớp đọc lại bài 70.**4. Hoạt động vận dụng thực hành: 3’** HS tìm thêm tiếng ngoài bài có vần ôn, ôt: tồn, dồn,….tốt, lốt…**5. Hoạt động củng cố và nối tiếp: 2’** - Hôm nay các em học vần gì mới?- GV dặn HS về nhà xem trước bài: ơn, ơt- GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương HS | - HS hát- HS lắng nghe - HS đọc (cá nhân, cả lớp) - HS phân tích - HS đánh vần (cá nhân, cả lớp) - HS nói - HS đánh vần - HS đánh vần, đọc trơn(CN, ĐT) -HS đọc (cá nhân, cả lớp)- HS so sánh và trả lời.- HS trả lời- HS đọc (cá nhân, cả lớp) - HS lắng nghe- HS cùng xem- HS thực hiện- Cả lớp đọc- HS theo dõi- HS lắng xem- HS lắng nghe- HS luyện đọc từ ngữ- HS luyện đọc câu- HS thi đọc bài- HS thực hiện làm bài trong vở BT-HS đọc- HS trả lời- HS lắng nghe |

 **IV. Điều chỉnh sau bài học:**

 …………………………………………………………………………………………..

 …………………………………………………………………………………………

 …………………………………………………………………………………………